TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 01/2022/HSST
Ngày: 06/01/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Ngô Thế Tương

Các Hội thẩm nhân dân : Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:

Bà : Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 119/2021/TLST – HS ngày 01 tháng 12 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2021/QĐXXST ngày 16 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo :

1. Ngô Trung K, sinh ngày 09/02/1973

Nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Ngô Đăng K1(đã chết) con bà Đỗ Thị M (đã chết), có vợ là Đỗ Thị Y, sinh năm 1976, có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2009, đều trú tại thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 7/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Từ tháng 9/1993 đến tháng 10/1995 tham gia nghĩa vụ quân sự. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/9/2021 đến ngày 28/9/2021 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

2. Bùi Văn Dũng, sinh ngày 22/02/1988

Nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bùi Văn H1 (đã chết), con bà Đỗ Thị T2 (tức T3), sinh năm 1960, vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1989, bị cáo 02 con, con lớn sinh năm 2013 con nhỏ sinh năm 2015. Đều trú tại thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/9/2021 đến ngày 28/9/2021 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

3. Bùi Quốc V, sinh ngày 23/01/1988

Nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bùi Cao C, sinh năm 1960 con bà Phạm Thị H2, sinh năm 1965, có vợ là Phạm Thị Huyền T4, sinh năm 1992, có 02, con lớn sinh năm 2014 con nhỏ sinh năm 2016. Đều trú tại thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/9/2021 đến ngày 28/9/2021 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

4. Hoàng Đức H sinh ngày 22/12/1976

Nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Văn T5 con bà Nguyễn Thị C (đều đã chết), có vợ là Lê Thị T6, sinh năm 1978, có 03, con lớn sinh năm 1998 con nhỏ sinh năm 2013. Đều trú tại thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/9/2021 đến ngày 28/9/2021 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

5. Đỗ Văn M, sinh ngày 18/8/1968

Nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đỗ Văn T7 , sinh năm 1939 con bà Phạm Thị C1, sinh năm 1942, có vợ là Ngô Thị T8, sinh năm 1976, có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2005. Đều trú tại thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12. Năm 1986 tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam đến năm 2017 nghỉ hưu, là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/9/2021 đến ngày 28/9/2021 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

6. Đỗ Văn D, sinh ngày 26/12/1971

Nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình

Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đỗ Đức K2, sinh năm 1947 con bà Hà Thị L, sinh năm 1948, có vợ là Bùi Thị Lan H3, sinh năm 1972, có 03 con, con lớn sinh năm 1997 con nhỏ sinh năm 2007, đều trú tại thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12. Hiện đang là giáo viên công tác tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở T. Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/9/2021 đến ngày 28/9/2021 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

7. Đỗ Xuân I, sinh ngày 15/01/1961

Nơi cư trú: thôn TT, xã T, huyện T1 tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đỗ Quang T9 con bà Hà Thị M3 (đều đã chết), có vợ là Đỗ Thị N, sinh năm 1964, có 02 con, con lớn sinh năm 1985 con nhỏ sinh năm 1987, đều trú tại thôn TT, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 10/10. Từ năm 1978 đến năm 1982 tham gia nghĩa vụ quân sự. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/9/2021 đến ngày 28/9/2021 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

8. Đỗ Thành L, sinh ngày 18/11/1989

Nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đỗ Văn T10 (dã chết), con bà Đỗ Thị Hồng T11 (tức Đỗ Thị T11), sinh năm 1959, có vợ là Vũ Thị D4, sinh năm 1993, có 02 con, con lớn sinh năm 2012 con nhỏ sinh năm 2015, đều trú tại thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

Tiền sự, Tiền án: Không

Nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 11/12, sau đó ở nhà lao động tự do. Ngày 03/8/2006 bị công an huyện T1 khởi tố về tội "Trộm cắp tài sản", do tài sản dưới 2 triệu nên được Đình chỉ điều tra. Bản án số 24/2008/HSST ngày 23/01/2008 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xử phạt 08 năm tù về tội Cướp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt. Bản án số 11/2016/HSST ngày 13/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện TH xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt. Bản án số 41/2017/HSST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện huyện T1 xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/9/2021 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Thái Thụy. (Các bị cáo đều có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà: Đỗ Thị Hồng T11 (tức Đỗ Thị T11), sinh năm 1959 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 20/9/2021, Ngô Trung K, Hoàng Đức H, Bùi Quốc V và Đỗ Văn M gặp nhau tại quán nước cây Si gần cổng UBND xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Tại quán nước 4 người rủ nhau đến nhà ở của Bùi Văn D để đánh bạc được thu bằng tiền dưới hình thức đánh liêng. V đi bộ đến nhà D trước, V hỏi D xin đánh bài ăn tiền ở nhà D thì D đồng ý. Sau đó K gọi điện cho Đỗ Văn I rủ I đến nhà D để đánh bạc. V ngồi chờ một lúc thì H, K, M đi vào, D bảo V, K, H, M vào trong phòng ngủ nhà D để ngồi đánh bạc. D đi ra ngoài mua bộ bài tú lơ khơ mới đưa cho mọi người đánh. Trong lúc 04 đối tượng chơi bạc tại nhà D, D đi ra quán nước cây Si gần cổng UBND xã T cách nhà D khoảng 100 m ngồi canh. Khi 04 đối tượng đang chơi đánh bạc khoảng hơn một giờ thì I, D và L vào tham gia đánh bạc cùng. Đến khoảng 16 giờ 30 phát cùng ngày, trong khi cả 07 đối tượng đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền thì bị lực lượng công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc và số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 9.800.000 đồng cùng 52 quân bài tú lơ khơ.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình

Tại bản cáo trạng số 121/CT- VKSTT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố các bị cáo Ngô Trung K, Hoàng Đức K, Bùi Quốc V, Đỗ Văn M, Đỗ Văn I, Đỗ Văn D1, Đỗ Thành L và Bùi Văn D về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã xác định. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Luận tội của Kiểm sát viên: Vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố với các bị cáo về tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Ngô Trung K, Hoàng Đức K, Bùi Quốc V, Đỗ Văn M, Đỗ Văn I, Đỗ Văn D1, Đỗ Thành L và Bùi Văn D phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Đề nghị : Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS; Điều 17, khoản 3 Điều 35, 50, 58, 65 BLHS (đối với K, D, H áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS)

Đề nghị xử phạt bị cáo K từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng. Đề nghị phạt bổ sung từ 7 - 10 triệu đồng.

Đề nghị xử phạt bị cáo D, bị cáo Việt: từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 2 năm. Đề nghị phạt bổ sung từ 5- 7 triệu đồng.

Đề nghị xử phạt bị cáo H từ 7 tháng đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng. Đề nghị phạt bổ sung bị cáo từ 5- 7 triệu đồng.

Bị cáo L: Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321 BLHS; điểm s khoản 1,2 Điều 51 BLHS; Điều 17, khoản 3 Điều 35, 50, 38, 58 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo từ 9 - 12 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 5- 7 triệu đồng.

Đối với bị cáo D1, I, M: Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS; Điều 17, khoản 1 Điều 35, 50, 58 BLHS, đề nghị phạt tiền M từ 30 - 35 triệu đồng, bị cáo D1 từ 25 - 30 triệu đồng, bị cáo H từ 20 - 25 triệu đồng.

- Đề nghị: Áp dụng điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS, Điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá; 01 chiếu trúc là công cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc;

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 9.800.000 đồng và 01 điện thoại IPHONE 6Plus, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo K,

Trả lại cho bị cáo H 4.500.000 đồng, bị cáo I 700.000 đồng , bị cáo K 200.000 đồng; trả lại cho mẹ bị cáo L (bà T11) số tiền 1.200.000 đồng. Tuy nhiên bà T11 đồng ý để số tiền trên cho L để đảm bảo thi hành án, nên cần đối trừ số tiền án phí và phạt sung quỹ cho bị cáo, các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, việc đưa bị cáo ra xét xử về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo để cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản quản lý vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3]. Như vậy đủ căn cứ để xác định: Hồi 16 giờ 30 phút, ngày 20/9/2021, các bị cáo Đỗ Thành L, Ngô Trung K, Hoàng Đức H, Đỗ Văn M, Bùi Quốc V, Đỗ Văn D1, Đỗ Xuân I đang đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh liêng tại nhà ở của Bùi Văn D ở thôn B, xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình thì bị Công an huyện T1 bắt quả tang, thu giữ vật chứng trên chiếu bạc gồm 01 bộ bài tú lơ khơ và số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 9.800.000 đồng

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc sát phạt lẫn nhau bằng tiền, tạo thu nhập bất hợp pháp, thực hiện với lỗi cố ý, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 9.800.000 đồng. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 321. Tội Đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng

[4]. Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo tiếp nhận ý chí của nhau không có sự phân công, phân nhiệm một cách cụ thể rõ ràng. Bị cáo K là người trực tiếp đánh bạc từ đầu và gọi điện rủ bị cáo I tham gia đánh bạc và sử dụng số tiền 5.500.000 đồng để đánh bạc nên giữ vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo D tuy không tham gia đánh bạc nhưng đồng ý cho các bị cáo tham gia đánh bạc tại nhà mình, đi mua bài lơ khơ, cảnh giới cho các bị cáo đánh bạc, bị cáo V sử dụng số với số tiền nhiều thứ 2, là người đến hỏi bị cáo D để nhờ địa điểm đánh bạc và chơi từ đầu nên bị cáo D và V giữ vai trò thứ 2. Bị cáo H, M tuy sử dụng số tiền đánh bạc không lớn nhưng chơi từ đầu nên giữ vai trò cao hơn các bị cáo còn lại là D, H và L.

[5]. Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Do đó cần phải quyết định một hình phạt tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm cho hành vi phạm tội của các bị cáo. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo K, D, V, H, M, D, I phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố đã thành khẩn khai báo do vậy được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo K, I có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự, bị cáo H có bố được tặng thưởng huân chương hạng nhất trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo D đầu thú; bị cáo M, D1 có nhiều giấy khen trong quá trình công tác nên các bị cáo K, H, H, D, M, D1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo L trong quá trình điều tra, truy tố đã thành khẩn khai báo, có bố được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba do vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo K, D, V, H đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, xét thấy không cần thiết bắt các bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội vì các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo được hưởng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, để các bị cáo nhận ra lỗi lầm đã phạm phải để phấn đấu trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội. Đối với bị cáo M, D1, I tham gia đánh bạc với thời gian ít nhất, số tiền thấp trong vụ án, có nhân thân tốt, nên cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ để cải tạo các bị cáo.

Bị cáo L là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về các tội cướp tài sản, trộm cắp tài sản và tội đánh bạc, tuy đã được xóa án tích nhưng xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên trong qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có bố là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến và sử dụng số tiền và thời gian đánh bạc ít nhất nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6]. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Ngô Trung K, Bùi Văn D, Bùi Quốc V, Hoàng Đức H, Đỗ Thành L đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để răn đe các bị cáo. Tuy nhiên các bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Để đảm bảo việc các bị cáo thi hành án nên cần áp dụng dưới khung hình phạt tiền đối với bị cáo

[7]. Về xử lý vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã quản lý số tiền 9.800.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài; 01 chiếu trúc; 01 điện thoại IPHONE 6Plus, đã qua sử dụng của bị cáo K (bị cáo K sử dụng chiếc điện thoại này gọi cho bị cáo I đến đánh bạc), đây là tiền và phương tiện các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài; 01 chiếu trúc thu giữ tại nhà bị cáo D là công cụ dùng vào việc phạm tội không còn giá trị cần tịch thu tiêu hủy

Cơ quan điều tra đã quản lý của bị cáo H 4.500.000 đồng, bị cáo I 700.000 đồng, bị cáo K 200.000 đồng; bị cáo L 1.200.000 đồng (số tiền 1.200.000 đồng là tiền L giữ hộ bà Đỗ Thị Hồng T11 - mẹ của L). Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa số tiền trên không dùng vào việc phạm tội cần tuyên trả lại cho bị cáo H, I, K và bà T11

[8].Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Trung K, Bùi Văn D, Bùi Quốc V, Hoàng Đức H, Đỗ Văn M, Đỗ Văn D1, Đỗ Xuân I và Đỗ Thành L, phạm tội "Đánh bạc"

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321, Điều 17, khoản 3 Điều 35, Điều 50, điểm s, i khoản 1 (K, D, H áp dụng thêm khoản 2) Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Ngô Trung K 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 7.000.000 đồng, số tiền phạt này để sung công quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn D 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng, số tiền phạt này để sung công quỹ nhà nước

Xử phạt bị cáo Bùi Quốc V 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng, số tiền phạt này để sung công quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Hoàng Đức H 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng, số tiền phạt này để sung công quỹ nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, khoản 1 Điều 35, Điều 50, điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51 Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn M 35.000.000 đồng, số tiền này nộp vào công quỹ nhà nước

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn D1 25.000.000 đồng, số tiền này nộp vào công quỹ nhà nước

Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân I 20.000.000 đồng, số tiền này nộp vào công quỹ nhà nước

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo M, D1 và H

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321, Điều 17, khoản 3 Điều 35, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thành L 08 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/9/2021

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng, số tiền phạt này để sung công quỹ nhà nước.

Giao các bị cáo Ngô Trung K, Bùi Văn D, Bùi Quốc V và Hoàng Đức H cho UBND xã T, huyện T1, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện T1, tỉnh Thái Bình thì Uỷ ban nhân dân cấp xã, phường có trách nhiệm

thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, thị xã, thành phố để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện T1, tỉnh Thái Bình thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, thị xã, thành phố có trách làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, thị xã, thành phố nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS, Điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 9.800.000 đồng; 01 điện thoại IPHONE 6Plus, đã qua sử của bị cáo K,

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài; 01 chiếu trúc

Trả lại cho bị cáo H số tiền 4.500.000 đồng,

Trả lại cho bị cáo I số tiền 700.000 đồng

Trả lại cho bị cáo K số tiền 200.000 đồng

Trả lại cho bà Đỗ Thị Hồng T11 số tiền 1.200.000 đồng.

(Tất cả vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy ngày 30/11/2021)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; NQ 326/2016/UBTVQH 14 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Các bị Ngô Trung K, Bùi Văn D, Bùi Quốc V, Hoàng Đức H, Đỗ Văn M, Đỗ Văn D1, Đỗ Xuân I, Đỗ Thành L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm .

5. Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận
- *VKSND huyện Thái Thụy*
- *Công an huyện Thái Thụy*
- *Chi cục THA huyện Thái Thụy*
- *TAND tỉnh Thái Bình*
- *UBKT Huyện ủy Thái Thụy*
- *Các bị cáo, người có QLNVLQ*
- *UBND xã Thái Thịnh*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương